

TRƯỜNG THPT PHƯỚC LONG
TỔ SỬ-GDKTPL

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – KHỐI 10
NĂM HỌC 2024-2025

Nội dung ôn tập từ bài 1 đến bài 5- học sinh chú ý những nội dung trọng tâm sau

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Hiện thực lịch sử là tất cả những

- A. điều đã diễn ra trong quá khứ, tồn tại theo ý muốn của con người.
- B. điều đã diễn ra trong quá khứ, tồn tại một cách khách quan, độc lập.
- C. hiện tượng siêu nhiên tác động đến tiến trình phát triển loài người.
- D. nhân vật trong quá khứ có đóng góp cho sự phát triển của nhân loại.

Câu 2: Tất cả những gì đã diễn ra trong quá khứ, tồn tại một cách khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người được gọi là

- A. hiện thực lịch sử. B. tư duy lịch sử. C. nhận thức lịch sử D. khám phá lịch sử.

Câu 3: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng hiện thực lịch sử?

- A. Những nhận thức và hiểu biết của con người về quá khứ.
- B. Những câu chuyện kể hoặc tác phẩm ghi chép về lịch sử.
- C. Ngành khoa học nghiên cứu về quá khứ của con người.
- D. Những sự kiện xảy ra trong quá khứ, tồn tại khách quan.

Câu 4: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng đặc điểm của hiện thực lịch sử?

- A. Có trước lịch sử được con người nhận thức B. Không phụ thuộc vào ý muốn của con người
- C. Có tính duy nhất và không thể thay đổi được. D. Được trình bày theo nhiều cách khác nhau.

Câu 5: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm khác biệt của lịch sử được con người nhận thức so với hiện thực lịch sử?

- A. Có tính đa dạng và có thể thay đổi theo thời gian
- B. Được tái hiện duy nhất thông qua các bản ghi chép
- C. Không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan con người
- D. Không chịu sự chi phối của mục đích nghiên cứu

Câu 6. Ngày 2 – 9 – 1945 , tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sự kiện này là kết quả của Cách mạng tháng Tám năm 1945, cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình.

Đoạn tư liệu phản ánh nội dung nào của khái niệm lịch sử?

- A. Tư liệu gốc phục vụ việc nghiên cứu và học tập lịch sử.
- B. Tất cả những tri thức về lịch sử đã được nhận thức lại.
- C. Tất cả những tri thức về quy luật lịch sử được đúc kết lại.
- D. Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.

Câu 7: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng khái niệm Sử học?

- A. Là những câu chuyện kể về nguồn gốc loài người
- B. Là khoa học nghiên cứu về quá khứ loài người
- C. Là những tưởng tượng của con người về tương lai
- D. Là nghiên cứu về sự hình thành và phát triển của vũ trụ

Câu 8: Nội dung nào sau đây **không** phải là đối tượng nghiên cứu của Sử học?

- A. Quá trình hình thành, phát triển, suy vong của một dân tộc.
- B. Quá trình hoạt động, đóng góp của một cá nhân trong quá khứ
- C. Hoạt động ngoại giao của một quốc gia trong quá khứ
- D. Những hiện tượng tự nhiên xảy ra trong quá khứ.

Câu 9. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của Sử học là

- A. khám phá đại dương.
- B. hội nhập quốc tế.
- C. giáo dục, nêu gương.
- D. chinh phục vũ trụ.

Câu 10: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về đối tượng nghiên cứu của Sử học?

- A. Những hoạt động của con người trên lĩnh vực chính trị, quân sự.
- B. Toàn bộ những hoạt động của con người diễn ra trong quá khứ
- C. Toàn bộ những hoạt động của con người từ thời cổ đại đến cận đại.
- D. Những hoạt động của con người từ khi xuất hiện chữ viết đến nay.

Câu 11: Một trong những chức năng cơ bản của Sử học là

- A. khôi phục hiện thực lịch sử thông qua tưởng tượng.
- B. tái tạo lại các biến cố lịch sử thông qua thí nghiệm.
- C. khôi phục hiện thực lịch sử một cách khách quan.
- D. cung cấp tri thức cho các lĩnh vực khoa học tự nhiên.

Câu 12: “Khôi phục lại hiện thực lịch sử một cách chính xác, khách quan” là chức năng nào sau đây của Sử học?

- A. Khoa học
- B. Xã hội
- C. Giáo dục
- D. Dự báo

Câu 13: “Giúp con người hiểu được các quy luật phát triển của xã hội, rút ra những bài học kinh nghiệm cho cuộc sống hiện tại” là chức năng nào sau đây của Sử học?

- A. Khoa học
- B. Xã hội
- C. Giáo dục
- D. Dự báo

Câu 14. Một trong những chức năng quan trọng của Sử học là

- A. thúc đẩy xu thế toàn cầu hóa.
- B. thúc đẩy xu thế hội nhập quốc tế.
- C. khôi phục hiện thực lịch sử.
- D. tìm hiểu quá trình biến đổi tự nhiên.

Câu 15. Một trong những lí do cần khám phá lịch sử suốt đời là giúp mỗi người

- A. bắt kịp những công nghệ mới.
- B. làm giàu trí thức cho bản thân.
- C. hoàn thiện năng lực thẩm mỹ.
- D. hoàn thiện năng lực

tính toán.

Câu 16. Toàn bộ những tri thức, hiểu biết, suy nghĩ của con người về quá khứ được gọi là

- A. hiện thực khách quan lịch sử.
- B. lịch sử được con người nhận thức.
- C. cách thức sưu tầm lịch sử.
- D. phương pháp nghiên cứu lịch sử.

Câu 17. Đối tượng nghiên cứu của Sử học mang đặc điểm nào sau đây ?

- A. Phổ cập.
- B. Toàn diện.
- C. Tâm linh.
- D. Hiện đại.

Câu 18: Toàn bộ những hình thức khác nhau của tư liệu lịch sử, chứa đựng những thông tin về quá khứ loài người được gọi là

- A. sử liệu
- B. truyền thuyết
- C. ngữ liệu
- D. văn bản

Câu 19. Một trong những khâu quan trọng trong nghiên cứu, học tập, tìm hiểu lịch sử là

- A. hạch toán kinh doanh.
- B. thu thập nguồn sử liệu.
- C. xây dựng phiếu điều tra.
- D. tiến hành thí nghiệm

Câu 20: Lập danh mục sử liệu cần sưu tầm; tìm kiếm, thu thập thông tin liên quan đến đối tượng tìm hiểu là các bước cơ bản của quá trình

- A. xử lý thông tin sử liệu
- B. tiến hành thí nghiệm lịch sử
- C. sưu tầm, thu thập sử liệu
- D. xác minh, đánh giá sử liệu

Câu 21: Phân loại, đánh giá, thẩm định, so sánh nguồn sử liệu là các bước cơ bản của quá trình

- A. xử lý thông tin sử liệu
- B. tiến hành thí nghiệm lịch sử
- C. sưu tầm, thu thập sử liệu
- D. tìm hiểu các di chỉ khảo cổ

Câu 22. Những bài học kinh nghiệm trong lịch sử có giá trị như thế nào đối với cuộc sống hiện tại và tương lai của con người?

- A. Giúp con người kế thừa mọi yếu tố trong quá khứ.
- B. Giúp con người làm chủ hoàn toàn cuộc sống tương lai.
- C. Giúp con người tránh lặp lại sai lầm trong quá khứ.
- D. Là yếu tố quyết định đến tương lai của con người.

Câu 23: Nội dung nào sau đây không phải là hình thức để học tập, khám phá lịch sử?

- A. Tham quan các bảo tàng
- B. Xem các phim lịch sử
- C. Khám phá các đại dương
- D. Tham quan khu lưu niệm

Câu 24: Cần học tập lịch sử suốt đời vì tri thức lịch sử

- A. liên quan và ảnh hưởng quyết định đến tất cả mọi sự vật, hiện tượng.
- B. chưa hoàn toàn chính xác, cần sửa đổi và bổ sung thường xuyên.
- C. rất rộng lớn và đa dạng, lại biến đổi và phát triển không ngừng
- D. giúp cá nhân hội nhập nhanh chóng vào cuộc sống hiện đại

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể lại rằng, “đứng trước khả năng phải bắt buộc cầm súng đánh thực dân, Bác Hồ sai người đi tìm cuốn Việt Nam sử lược – khi đó là cuốn sách duy nhất biên soạn mạch lạc về lịch sử nước nhà để trao cho các vị lãnh đạo cuộc kháng chiến độc. Không chỉ chí khí của người xưa mà nhiều bài học về cách đánh và cách thắng của ông cha chúng ta đem lại những tri thức rất bổ ích cho cuộc chiến đấu ở thế kỉ XX”.

(Dương Trung Quốc, *Võ Nguyên Giáp dưới góc nhìn của người viết sử*, Báo Tuổi trẻ ngày 6 – 5 – 2004)

- a. Đoạn tư liệu nhấn mạnh quan điểm của Võ Nguyên Giáp về vị trí, tầm quan trọng của bộ môn Lịch sử trong việc giáo dục truyền thống yêu nước cho nhân dân.
- b. Toàn bộ cuộc chiến đấu của nhân dân ta trong thế kỉ XX chỉ có thể được khôi phục lại qua cuốn Việt Nam sử lược.
- c. Một trong những chức năng của Sử học được nhắc đến trong đoạn tư liệu trên chính là giúp thế hệ sau có nhiều bài học kinh nghiệm quý báu để chiến đấu chống thực dân
- d. Chức năng xã hội của cuốn Việt Nam sử lược được nhắc đến trong đoạn tư liệu chính là “biên soạn mạch lạc về lịch sử nước nhà”.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Câu chuyện “Thôi Trữ giết vua”

Thời Chiến Quốc, Tề Trang Công bị Thôi Trữ là quan đại phu nước Tề giết chết. Thôi Trữ lệnh cho Thái sử Bá (quan chép sử) viết: “Tề Trang Công chết do bị sốt rét”, để che giấu sự thật. Thái sử Bá không chịu, kiên quyết viết rằng: “Thôi Trữ giết vua Quang (tức Tề Trang Công)”. Thôi Trữ nổi giận, giết chết Thái sử Bá.

Thái sử Bá có ba người em trai là Trọng, Thúc, Quý. Trọng và Thúc được gọi đến và cũng

chép vào sách sử câu chữ đúng như người anh đã viết. Thôi Trữ lại giết Trọng và Thúc. Còn lại Quý cũng cầm lấy thẻ sách viết đúng như câu của ba người anh.

Thôi Trữ cầm sách xem, hỏi Quý: “Ba người anh của nhà ngươi đều vì câu này mà bị giết chết, lẽ nào ngươi không biết quý tiếc mạng sống của mình sao?”.

Quý ung dung đáp rằng: “Viết đúng sự thật là chức trách của quan chép sử. Nếu vì cầu sống mà làm chuyện sai trái, vậy thần thà chết còn hơn!”.

Thôi Trữ nghe xong đành trả lại thẻ sách cho Quý và không giết ông nữa.

(Theo Khổng Tử, *Xuân Thu tam truyện*, Tập 4, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr.168 – 170)

- a. Các quan chép sử nhà Tề có hành động giống hệt nhau là viết đúng sự thật Thôi Trữ giết vua vào sử sách.
- b. Câu chuyện cho thấy nguyên tắc trung thực, khách quan trong ghi chép Sử có thể được vận dụng linh hoạt cho từng tình huống.
- c. Thái sử Bá, Thái sử Trọng có nguyên tắc ghi chép sử khác với Thái sử Thúc và Thái sử Quý.
- d. Câu chuyện có tác dụng giáo dục, nêu gương lớn đối với những người nghiên cứu lịch sử hiện nay.

CHỦ ĐỀ 2: VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Di sản văn hóa là một bộ phận quan trọng của

- A. toán học B. lịch sử C. công nghệ D. kỹ thuật

Câu 2: Di sản văn hoá là những sản phẩm tinh thần, vật chất, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, có giá trị

- A. lịch sử, văn hoá. B. kinh tế, chính trị. C. luật pháp, văn hoá. D. khoa học, công nghệ.

Câu 3: Ngành khoa học nào sau đây góp phần quan trọng trong bảo tồn và phát huy những giá trị của di sản văn hóa phi vật thể?

- A. Sinh vật học. B. Sử học. C. Y học. D. Giải phẫu học.

Câu 4: Nội dung nào sau đây **không** phải là biểu hiện về mối quan hệ giữa Sử học với di sản văn hóa, di sản thiên nhiên?

- A. Sử học quyết định sự tồn tại của tất cả các di sản.
B. Di sản là nguồn sử liệu cho nghiên cứu lịch sử.
C. Sử học góp phần quảng bá hình ảnh di sản tới cộng đồng.
D. Sử học góp phần xác định đúng các giá trị của mỗi di sản.

Câu 5: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng vai trò của các loại hình di sản văn hoá đối với nghiên cứu lịch sử?

- A. Là nguồn sử liệu duy nhất để tái hiện lại lịch sử.
B. Là nguồn sử liệu phi chính thống để tham khảo.
C. Là nguồn sử liệu thành văn có giá trị khoa học cao
D. Là nguồn sử liệu quan trọng để nghiên cứu lịch sử.

Câu 6: Nội dung nào sau đây là biểu hiện về mối quan hệ giữa Sử học với di sản văn hóa, di sản thiên nhiên?

- A. Sử học quyết định sự tồn tại của tất cả các di sản văn hóa
B. Di sản là nguồn sử liệu thành văn cho nghiên cứu lịch sử.
C. Nghiên cứu Sử học tạo cơ sở khoa học cho bảo tồn di sản.

D. Di sản quyết định trực tiếp sự tồn tại của khoa học lịch sử.

Câu 7: Giá trị lịch sử của di sản được giữ gìn thông qua việc

- A. kiểm kê. B. bảo tồn. C. xây dựng. D. làm mới.

Câu 8: Nội dung nào sau đây **không** phải là vai trò của Sử học đối với việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên?

- A. Sử học nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển của di sản.
B. Sử học giúp xác định đúng vị trí, vai trò và ý nghĩa của di sản.
C. Sử học cung cấp thông tin phục vụ việc bảo tồn, phát huy di sản.
D. Sử học trực tiếp quyết định chính sách bảo tồn, phát huy di sản.

Câu 9: Điều cốt lõi trong hoạt động bảo tồn di sản văn hóa là phải đảm bảo tính

- A. kế thừa. B. nguyên trạng. C. tái tạo. D. nhân tạo.

Câu 10: Phát huy giá trị di sản là

- A. Giữ nguyên dạng giá trị của di sản như ban đầu.
B. Giữ gìn sự tồn tại của di sản theo dạng thức vốn có.
C. Sử dụng hiệu quả giá trị của di sản trong đời sống.
D. Khắc phục tác động xấu từ bên ngoài lên di sản.

Câu 11: Cơ sở khoa học cho công tác xác định giá trị, bảo tồn và phát huy giá trị đích thực của di sản là kết quả nghiên cứu của

- A. Sử học. B. Địa lí. C. Văn học. D. Toán học.

Câu 12: Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá **không** phải là hoạt động

- A. tiến hành xây mới các di tích, hiện đại hoá di tích.
B. đảm bảo sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc.
C. đem lại hiệu quả thiết thực phát triển kinh tế, xã hội.
D. hình thành ý thức trách nhiệm với cộng đồng, xã hội

Câu 13: Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên?

- A. Là cách duy nhất để quảng bá lịch sử, văn hóa của đất nước ra bên ngoài.
B. Góp phần khắc phục những tác động tiêu cực của tự nhiên đối với di sản.
C. Góp phần gìn giữ và lưu truyền di sản văn hoá phi vật thể cho thế hệ sau.
D. Giáo dục con người nhớ về cội nguồn và trách nhiệm với tổ tiên, cộng đồng.

Câu 14: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng vai trò của công tác bảo tồn các di sản văn hóa phi vật thể?

- A. Góp phần khắc phục những tác động tiêu cực của tự nhiên đối với di sản.
B. Giúp giữ gìn và lưu truyền giá trị của di sản từ thế hệ này sang thế hệ khác.
C. Góp phần ngăn chặn tình trạng xuống cấp, biến dạng và hư hỏng của di sản.
D. Tạo nhân tố quyết định cho sự phát triển của kinh tế, xã hội của địa phương.

Câu 15: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng vai trò của công tác bảo tồn các di sản thiên nhiên?

- A. Hình thành ý thức hướng về cội nguồn. B. Giúp duy trì kỷ ức và bản sắc cộng đồng.
C. Góp phần giáo dục truyền thống yêu nước. D. Góp phần phát triển sự đa dạng sinh học.

Câu 16: Một trong những di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của Việt Nam là

- A. Đàn ca tài tử Nam Bộ. B. Hoàng thành Thăng Long.
C. Mộc bản triều Nguyễn. D. phố cổ Hội An.

Câu 17: Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá là hoạt động

- A. tìm kiếm, lưu giữ và bảo vệ các giá trị di sản. B. phát triển và lan toả các giá trị di sản.
C. lưu giữ, bảo vệ và lan toả các giá trị của di sản. D. quy hoạch, lưu giữ và bảo vệ các di sản.

Câu 18. Ngày 24 - 11 - 2005, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam ra Quyết định số 36/2005/QĐ-TTg, lấy ngày 23 - 11 hàng năm là “*Ngày Di sản Văn hóa Việt Nam*” nhằm giáo dục và phát huy truyền thống nào sau đây của dân tộc ta?

- A. Đoàn kết quyết tâm phấn đấu giữ vững những công trình văn hóa hiện đại.
B. Trung thực, tự tôn dân tộc và ý thức trách nhiệm của công dân toàn cầu.
C. Yêu nước, tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ di sản văn hóa.
D. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong công tác tôn tạo di sản văn hóa.

Câu 19. Lĩnh vực nào sau đây đóng vai trò quan trọng trực tiếp đối với sự phát triển của ngành công nghiệp văn hóa?

- A. Thiên văn học. B. Y học. C. Sử học. D. Địa lí.

Câu 20. Các di tích lịch sử - văn hóa của Việt Nam là một thế mạnh để phát triển

- A. nông nghiệp bền vững. B. chế biến nông sản. C. du lịch. D. lâm nghiệp.

Câu 21: Trong việc phát triển du lịch, yếu tố nào sau đây có vai trò đặc biệt quan trọng?

- A. Kết quả hoạt động trong quá khứ của ngành du lịch.
B. Hoạt động sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp.
C. Những giá trị về lịch sử, văn hoá truyền thống.
D. Sự đổi mới, xây dựng lại các công trình di sản.

Câu 22: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng vai trò của lịch sử - văn hóa đối với du lịch?

- A. Là di sản, tài nguyên quý giá để phát triển du lịch.
B. Tạo sức hấp dẫn to lớn để thu hút khách du lịch.
C. Giúp con người hưởng thụ giá trị của di sản văn hóa.
D. Là yếu tố quyết định duy nhất sự phát triển du lịch.

Câu 23: Sự phát triển của du lịch có ý nghĩa nào sau đây đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa?

- A. định hướng sự phát triển của Sử học trong tương lai.
B. Xác định chức năng, nhiệm vụ của khoa học lịch sử.
C. cung cấp bài học kinh nghiệm cho các nhà sử học.
D. quảng bá lịch sử, văn hoá cộng đồng ra bên ngoài.

Câu 24: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa?

- A. Góp phần quảng bá rộng rãi giá trị di tích lịch sử - văn hóa ra bên ngoài
B. Bồi đắp ý thức trách nhiệm bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa của cộng đồng
C. Tạo ra nguồn kinh phí hỗ trợ công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản.
D. Ngăn cản tác động xấu của thiên nhiên và con người lên các di sản văn hóa.

Câu 25: Nội dung nào sau đây **không** phải là biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa?

- A. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.
B. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về di sản văn hóa.
C. Phát huy vai trò của cộng đồng trong bảo tồn di sản.
D. Làm mới hoàn toàn các di sản văn hóa bị xuống cấp.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Năm 1987, Ủy ban Di sản Thế giới của UNESCO ghi danh thành phố Vơ – ni – dơ và đầm phá Vơ – ni – dơ (I – ta – li – a) vào Danh mục Di sản Thế giới. Vơ – ni – dơ là một trong những điểm đến du lịch phổ biến và nổi tiếng của châu Âu, là thành phố mang tính biểu tượng, có giá trị lớn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội và hình ảnh đất nước I – ta – li – a.

Năm 2021, UNESCO đưa ra khuyến cáo đối với chính quyền thành phố Vơ – ni – dơ cần “quản lý du lịch bền vững hơn”. Ngày 13 – 7 – 2021, Chính phủ I – ta – li – a ra lệnh cấm các tàu du lịch lớn vào trung tâm thành phố Vơ – ni – dơ để bảo tồn hệ sinh thái và di sản vùng đầm phá này.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều, tr.14)

- a. Thành phố Vơ – ni – dơ và đầm phá Vơ – ni – dơ là di sản văn hóa phi vật thể của đất nước I – ta – li – a đã được UNESCO ghi danh.
- b. Nhờ giá trị lịch sử, văn hóa, kết hợp cảnh quan độc đáo, Vơ – ni – dơ đã trở thành một điểm đến du lịch nổi tiếng của I – ta – li – a và toàn châu Âu.
- c. Năm 2021, tổ chức UNESCO đưa ra khuyến cáo đối với chính quyền thành phố Vơ-ni-dơ cần “quản lý du lịch bền vững hơn” nhằm bảo tồn hệ sinh thái và di sản vùng đầm phá này.
- d. Năm 2021, Chính phủ I – ta – li – a đã hạn chế tác động xấu từ bên ngoài đối với thành phố và đầm phá Vơ – ni – dơ thông qua việc cấm các tàu du lịch lớn vào trung tâm thành phố.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Việt Nam được bầu chọn là “Điểm đến hàng đầu châu Á về di sản, ẩm thực và văn hóa” (2020) và “Điểm đến du lịch bền vững hàng đầu châu Á” (2021) là nhờ có hệ thống di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa và di sản thiên nhiên đa dạng phân bố trên khắp cả nước, như Phố cổ (Hà Nội), Cố đô Hoa Lư (Ninh Bình), Cố đô Huế (Thừa Thiên Huế), Phố cổ Hội An (Quảng Nam), Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh),...

Điểm chung của các địa danh này chính là sức hấp dẫn của các yếu tố về lịch sử, văn hóa, cảnh quan. Đây cũng là những nơi còn lưu giữ được dấu ấn lịch sử, văn hóa truyền thống một cách có hệ thống, được chính phủ và chính quyền địa phương quan tâm kết hợp bảo tồn và khai thác khoa học.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều, tr.15)

- a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về vai trò của Sử học đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa.
- b. Các di tích lịch sử - văn hóa là một trong những nguồn tài nguyên du lịch quý giá giúp Việt Nam được bình chọn là “Điểm đến hàng đầu châu Á về di sản, ẩm thực và văn hóa” năm 2020.
- c. Phố cổ (Hà Nội), Cố đô Hoa Lư (Ninh Bình), Phố cổ Hội An (Quảng Nam), Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh) đều là các di tích lịch sử - văn hóa có sức hấp dẫn của nước ta.
- d. Các di sản văn hóa, di sản thiên nhiên của nước ta được chính phủ và chính quyền địa phương quan tâm kết hợp bảo tồn và khai thác khoa học thông qua các hoạt động quảng bá và du lịch.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Điện Biên Phủ là địa danh nổi tiếng ở vùng núi Tây Bắc Việt Nam. Với quần thể di tích Chiến trường Điện Biên Phủ và các lễ hội đặc sắc (Lễ hội Hoa Ban, Lễ hội thành Bản Phủ, Lễ hội Hạng Khuông,...), Điện Biên Phủ có nhiều lợi thế để phát triển du lịch, kết hợp việc duy trì kỷ ức và bản sắc dân tộc với thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Quần thể di tích Chiến trường Điện Biên Phủ có 45 điểm di tích thành phần, được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng là Di tích Quốc gia đặc biệt năm 2009. Các điểm di tích được nhiều du khách tham quan là đồi A1, C1, C2, D1, hầm chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, cứ điểm Hồng Cúm, cứ điểm Him Lam, đồi Độc Lập, sân bay Mường Thanh (nay là Cảng hàng không Điện Biên Phủ),...

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều, tr.17).

- a. Chiến trường Điện Biên Phủ là quần thể di tích lịch sử của nước ta được Nhà nước và thế giới xếp hạng, ghi danh.
- b. Điện Biên Phủ có lợi thế để phát triển du lịch nhờ vào giá trị lịch sử, cách mạng của di tích chiến trường Điện Biên Phủ kết hợp với các lễ hội mang bản sắc của các dân tộc ở đây.
- c. Các cứ điểm A1, C1, D1, C2 là nơi đã diễn ra những trận đánh quyết liệt giữa quân đội Việt Nam với đế quốc Mỹ năm 1954, hiện nay đã trở thành các điểm di tích thu hút nhiều khách tham quan.
- d. Việc phát triển du lịch ở Điện Biên Phủ không chỉ có tác dụng giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc mà còn giúp duy trì ký ức và bản sắc dân tộc.

CHỦ ĐỀ 3: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử được gọi là

- A. văn minh B. văn hóa C. chữ viết D. nhà nước

Câu 2: Sự tiến bộ về vật chất và tinh thần của xã hội loài người, trạng thái phát triển cao của văn hóa được gọi là

- A. trí tuệ B. văn minh C. xã hội D. đẳng cấp

Câu 3: Nội dung nào sau đây là yếu tố cơ bản để xác định loài người bước vào thời kì văn minh?

- A. Chữ viết, nhà nước. B. Tín ngưỡng, tôn giáo. C. Công cụ bằng đá. D. Nguyên tắc công bằng.

Câu 4: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm tương đồng giữa văn hóa và văn minh?

- A. Điều mang đậm bản sắc riêng của tộc người và có tính khép kín
B. Điều phản ánh những tiến bộ vượt bậc về khoa học học và kĩ thuật
C. Điều là những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo nên
D. Điều bắt đầu xuất hiện khi con người biết sử dụng công cụ bằng sắt

Câu 5: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm khác biệt của văn minh so với văn hóa?

- A. Văn minh ra đời trước văn hóa và hoàn toàn độc lập với văn hóa
B. Văn minh chỉ xuất hiện khi con người biết chế tạo công cụ lao động
C. Văn minh xuất hiện đồng thời với sự xuất hiện con người trên trái đất
D. Văn minh chỉ được sáng tạo trong thời kì phát triển cao của xã hội

Câu 6: Thành tựu của nền văn minh Ai Cập cổ đại được hình thành và phát triển gắn với con sông nào sau đây?

- A. Trường Giang. B. Hoàng Hà. C. Sông Hằng. D. Sông Nin.

Câu 7: Cư dân Ai Cập cổ đại đã sớm tạo ra chữ viết riêng của mình, gọi là chữ

- A. La – tinh B. Hán Nôm C. tượng hình D. Quốc ngữ

Câu 8: Sự ra đời của chữ viết Ai Cập thời kì cổ đại có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Phản ánh trình độ tư duy cao của cư dân Ai Cập.
- B. Tạo cơ sở cho sự ra đời của chữ La – tinh sau này.
- C. Tạo cơ sở để cư dân Ai Cập cổ đại hội nhập quốc tế.
- D. Phản ánh sự phát triển cao độ của nhà nước chuyên chế.

Câu 9: Thành tựu về lĩnh vực nào sau đây của cư dân Ai Cập cổ đại đã được ứng dụng hiệu quả trong việc xây dựng kim tự tháp?

- A. Tôn giáo.
- B. Toán học.
- C. Tín ngưỡng.
- D. Chữ viết.

Câu 10: Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự ra đời sớm của ngành lịch pháp và thiên văn ở Ai Cập cổ đại là do

- A. nhu cầu sản xuất trong nông nghiệp.
- B. nhu cầu tính toán trong xây dựng
- C. nhu cầu ghi chép và lưu trữ thông tin.
- D. nhu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng

Câu 11: Yếu tố nào sau đây thúc đẩy sự ra đời sớm của những tri thức toán học ở Ai Cập cổ đại?

- A. Nhu cầu sáng tác văn học nghệ thuật
- B. Nhu cầu tính toán trong xây dựng
- C. Nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp
- D. Nhu cầu phát triển thương nghiệp

Câu 12: Kim tự tháp là công trình kiến trúc tiêu biểu của nền văn minh cổ đại nào sau đây?

- A. La Mã.
- B. Trung Quốc.
- C. Hy Lạp.
- D.

Ai Cập.

Câu 13: Đối với thế giới, những thành tựu của nền văn minh Ai Cập cổ đại có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Thể hiện trí tuệ và sự sáng tạo vĩ đại của cư dân Ai Cập
- B. Tạo tiền đề cho sự phát triển của văn minh Ai Cập sau này
- C. Tạo cơ sở cho sự phát triển văn minh nhân loại trên nhiều mặt
- D. Chứng tỏ sự phát triển rực rỡ và toàn diện của văn minh Ai Cập

Câu 14: Cư dân Ấn Độ đã sớm tạo ra chữ viết riêng của mình, gọi là chữ

- A. La – tinh
- B. Hán
- C. Phạn
- D. Nôm

Câu 15: Chữ viết của Ấn Độ có ảnh hưởng sâu sắc đến chữ viết của nhiều quốc gia ở khu vực

- A. Đông Nam Á
- B. Đông Bắc Á
- C. Mĩ La – tinh
- D. Đông Nam Âu

Câu 16: Sự ra đời của chữ viết đã tạo cơ sở cho nền văn minh Ấn Độ phát triển rực rỡ trên lĩnh vực nào sau đây?

- A. Kiến trúc
- B. Điêu khắc
- C. Tín ngưỡng
- D. Văn học

Câu 17: Phật giáo có nguồn gốc từ quốc gia nào sau đây?

- A. Mianma.
- B. Ấn Độ.
- C. Anh.
- D. Pháp.

Câu 18: Tôn giáo nào sau đây **không** được khởi nguồn từ Ấn Độ?

- A. Hồi giáo.
- B. Phật giáo.
- C. Hin-đu giáo.
- D. Bà La Môn giáo.

Câu 19: Tôn giáo nào sau đây ra đời ở Ấn Độ, do Thích Ca Mâu Ni khởi xướng?

- A. Hồi giáo.
- B. Phật giáo.
- C. Hin-đu giáo.
- D. Bà La Môn giáo.

Câu 20: Phát minh ra chữ số tự nhiên và số 0 là thành tựu nổi bật của nền văn minh nào sau đây?

- A. Ai Cập.
- B. Ấn Độ.
- C. Trung Quốc.
- D. Lưỡng Hà.

Câu 21: Ấn Độ là quê hương của những tôn giáo lớn nào sau đây?

- A. Phật giáo, Đạo giáo.
- B. Phật giáo, Hin-đu giáo.
- C. Thiên Chúa giáo, Hồi giáo.
- D. Phật giáo, Hồi giáo.

Câu 22: Văn hoá truyền thống Ấn Độ có ảnh hưởng rõ nét nhất ở khu vực nào sau đây?

A. Đông Bắc Á. B. Trung Đông. C. Đông Nam Á. D. Tây Á.

Câu 23: Cư dân quốc gia cổ đại nào sau đây đã phát minh ra chữ số 0?

A. Ai Cập. B. Trung Quốc. C. Ấn Độ. D. La Mã.

Câu 24: Một trong những thành tựu của văn minh Ấn Độ và Trung Hoa thời kì cổ - trung đại là

A. sớm sáng tạo ra chữ viết riêng của mình B. kĩ thuật ướp xác và xây dựng kim tự tháp

C. xây dựng được chế độ dân chủ cộng hòa D. nơi khởi nguồn và phát triển của Phật giáo

Câu 25: Lĩnh vực nào sau đây của nền văn minh Ấn Độ thời kì cổ - trung đại có ảnh hưởng lớn đến Việt Nam?

A. Y học. B. Tư tưởng. C. Kiến trúc. D. Sử học.

Câu 26: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của nền văn minh Ấn Độ thời kì cổ - trung đại?

A. Có ảnh hưởng đến văn minh của nhiều quốc gia khác trên thế giới.

B. Tạo cơ sở và nền tảng cho sự phát triển của văn hóa Ấn Độ sau này

C. Chứng minh sự sáng tạo phi thường của cư dân Ấn Độ cổ trung đại

D. Tạo cơ sở cho sự hình thành và phát triển của văn minh Phục Hưng

Câu 27: Những thành tựu của nền văn minh Ai Cập cổ đại và văn minh Ấn Độ thời kì cổ - trung đại đều

A. đóng góp cho sự phát triển của văn minh thế giới B. ảnh hưởng sâu rộng đến văn minh Đông Nam Á

C. tạo tiền đề cho sự phát triển của văn minh Hi Lạp D. tạo cơ sở thúc đẩy xu thế toàn cầu hóa phát triển

Câu 28: Chữ tượng hình của người Trung Hoa khắc trên mai rùa, xương thú được gọi là

A. Chữ Tiểu triện B. Chữ Đại Triện C. Chữ Lệ thư D. Chữ Giáp cốt

Câu 29: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm về chữ viết của cư dân Trung Hoa thời kì cổ - trung đại?

A. Tiếp thu sáng tạo thành tựu chữ viết bên ngoài B. Ảnh hưởng đến tất cả các quốc gia trên thế giới

C. Tạo nền tảng cho hệ chữ viết La – tinh ngày nay D. Chữ viết nhiều lần được chỉnh lý và phát triển

Câu 30: Chữ viết của văn minh Trung Quốc ảnh hưởng sâu sắc đến chữ viết của quốc gia nào sau đây?

A. Ấn Độ B. Ai Cập C. Việt Nam D. Hi Lạp

Câu 31: Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị là những tác giả văn học nổi tiếng của văn minh Trung Hoa với thể loại nào sau đây?

A. Tiểu thuyết B. Thơ Đường C. Truyện ngắn D. Phóng sự

Câu 32: Loại hình văn học nào sau đây ở Trung Quốc phát triển mạnh mẽ dưới thời kì Minh – Thanh?

A. Tiểu thuyết chương hồi B. Ca dao, tục ngữ
C. Truyện ngắn, phóng sự D. thơ ca, phú, kịch

Câu 33: Tác phẩm nào sau đây **không** phải thành tựu văn học của Trung Quốc thời cổ - trung đại?

- A. I-li-át. B. Tây du kí. C. Hồng lâu mộng. D. Thủy hử.

Câu 34: “Tứ đại danh tác” của nền văn học Trung Quốc thời Minh, Thanh là

- A. Tây du ký, Thủy hử, Hồng lâu mộng, Liêu trai chí dị.
B. Tây du ký, Thủy hử, Đông Chu liệt quốc, Tam quốc diễn nghĩa.
C. Tây du ký, Kim Vân Kiều, Hồng lâu mộng, Tam quốc diễn nghĩa.
D. Tây du ký, Thủy hử, Hồng lâu mộng, Tam quốc diễn nghĩa.

Câu 35: Tác phẩm văn học nào sau đây của Trung Quốc là một bộ tổng hợp thơ ca dân gian, đồng thời là một trong năm bộ kinh điển của Nho giáo?

- A. Tây du kí B. Hồng lâu mộng C. Kinh Thi D. Thủy hử

Câu 36: Học thuyết nào sau đây đã trở thành hệ tư tưởng chính thống của chế độ quân chủ chuyên chế ở Trung Quốc?

- A. Đạo giáo B. Phật giáo C. Nho giáo D. Hồi giáo

Câu 37: Trong quá trình tồn tại và phát triển, văn minh Trung Quốc đã tiếp thu Phật giáo từ quốc gia nào sau đây?

- A. Ấn Độ B. Ai Cập C. Hi Lạp D. La Mã

Câu 38: Hệ tư tưởng Nho giáo của Trung Hoa có ảnh hưởng sâu sắc đến quốc gia nào sau đây?

- A. Rô – ma B. Nhật Bản C. Ai Cập D. La Mã

Câu 39: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của hệ tư tưởng Nho giáo của nền văn minh Trung Hoa?

- A. Tạo cơ sở phát triển cho nền văn minh phương Tây.
B. Nền tảng tư tưởng của chế độ quân chủ Trung Hoa.
C. Thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của thương nghiệp.
D. Tạo cơ sở cho sự phát triển của khoa học kĩ thuật.

Câu 40: Thành tựu nào sau đây của Trung Quốc là di sản văn hóa thế giới?

- A. Tháp Thạt Luồng. B. Vạn lí trường thành. C. Kim tự tháp. D. Đền Pác tê nông

Câu 41: Một trong những phát minh lớn về kĩ thuật của người Trung Hoa thời cổ đại là

- A. máy tính điện tử. B. kĩ thuật in. C. động cơ hơi nước. C. động cơ điện.

Câu 42: Phát minh kĩ thuật nào sau đây của người Trung Hoa có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của ngành hàng hải?

- A. La bàn. B. Thuốc súng. C. Kĩ thuật in. D. Làm giấy.

Câu 43: Thành tựu nào sau đây **không** phải là phát minh quan trọng về kĩ thuật của người Trung Hoa thời kì cổ - trung đại?

- A. Làm giấy. B. Động cơ đốt trong. C. Thuốc súng. D. La bàn.

Câu 44: Nội dung nào sau đây là điểm chung của nền văn minh Ấn Độ và văn minh Trung Hoa thời kì cổ - trung đại?

- A. Là quê hương của một số tôn giáo lớn B. Tiếp thu sáng tạo chữ viết từ bên ngoài.
C. Có nền kinh tế thương nghiệp là chủ đạo. D. Điều thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.

Câu 45: Nội dung nào sau đây là điểm khác biệt giữa văn minh Trung Hoa thời kì cổ - trung đại với văn minh Ai Cập thời kì cổ đại?

- A. Có nền kinh tế nông nghiệp là chủ đạo B. Thành tựu văn minh đa dạng, phong phú
C. Lấy Nho giáo là hệ tư tưởng chính thống D. Sớm sáng tạo ra chữ viết riêng của dân tộc

Câu 46. Ở Hy Lạp và La Mã thời cổ đại, nền kinh tế nào đóng vai trò chủ đạo?

- A. Nông nghiệp và dịch vụ. B. Thủ công nghiệp và thương nghiệp.
C. Nông nghiệp và thương nghiệp D. Thủ công nghiệp và nông nghiệp.

Câu 47. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng điều kiện tự nhiên của Hy Lạp và La Mã cổ đại?

- A. Đồng bằng nhỏ hẹp, đất đai khô cằn. B. Trong lòng đất có nhiều khoáng sản.
C. Có nhiều sông lớn, đất đai màu mỡ. D. Đường bờ biển khúc , nhiều vũng, vịnh.

Câu 48. Các nhà nước cổ đại ở Hy Lạp và La Mã ra đời vào khoảng

- A. thế kỉ I - II TCN. B. thế kỉ III - VI TCN.
C. thế kỉ V - VI TCN. D. thế kỉ VIII - VII TCN.

Câu 49. Tại La mã, nhà nước điển hình là

- A. dân chủ chủ nô và quân chủ chuyên chế. B. cộng hòa quý tộc và quân chủ lập hiến.
C. dân chủ cộng hòa và quân chủ lập hiến. D. cộng hòa quý tộc và nhà nước đế chế.

Câu 50. Trong xã hội Hy Lạp và La Mã cổ đại, tầng lớp nào chiếm số đông?

- A. Nông dân B. Thợ thủ công C. Nô lệ. D. Chủ nô.

Câu 51. Lực lượng sản xuất chính trong xã hội Hy Lạp và la mã cổ đại là

- A. Nông dân B. Thợ thủ công C. Nô lệ. D. Chủ nô.

Câu 52. Cơ sở xã hội của nền văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại là

- A. nền dân chủ cổ đại. B. chế độ bóc lột nô lệ tàn bạo.
C. chế độ đẳng cấp Vác-na. D. chế độ phân biệt chủng tộc.

Câu 53. Sự kiện nào đã thúc đẩy mạnh mẽ sự giao lưu văn hóa giữa Hy Lạp và Phương Đông?

- A. Cuộc viễn chinh của A-lếch-xăng-đơ-rôt Đại đế B. Chiến tranh thành Tơ-roa.
C. Phong trào Thập tự chinh. D. Cuộc chiến tranh nông dân Đức.

Câu 54. Hệ chữ cái La-tinh là thành tựu của

- A. cư dân Hy Lạp cổ đại. B. cư dân La Mã cổ đại.
C. cư dân Ấn Độ D. cư dân Trung Quốc cổ đại

Câu 55. Logo của tổ chức UNESCO được lấy cảm hứng từ công trình kiến trúc nổi tiếng nào?

- A. Đền Pác-tê-nông. B. Kim tự tháp Ai Cập.
C. Vườn treo Ba-bi-lon. D. Tượng nữ thần tự do.

Câu 56. “Hãy cho tôi một điểm tựa tôi sẽ nhấc bổng Trái Đất lên”, là câu nói của ai?

- A. Ác-si-mét. B. Ta-lét. C. Tu-xi-đít. D. A-ri-xtôt.

Câu 57. Chữ Quốc ngữ ở Việt Nam hiện nay đã sử dụng các kí tự thuộc hệ thống chữ viết nào?

- A. Chữ Hán. B. Chữ Phạn. C. Chữ hình nêm. D. Chữ La-tinh.

Câu 58. Người Hy Lạp và người La Mã sáng tạo ra loại lịch nào?

- A. Âm lịch B. Dương lịch C. Phật lịch. D. Lịch vạn sự.

Câu 59. Hai bộ sử thi nổi tiếng của cư dân Hy Lạp cổ đại là

- A. I-li-át và Ô-đi-xê. B. Đăm săn và Gin-ga-mét.

C. Ra-ma-ya-na và Ma-ha-bha-ra-ta. D. Ram-ma Khiên và Riêm-kê

Câu 60. Những đại diện tiêu biểu của trường phái triết học duy vật ở Hy Lạp và La Mã thời cổ đại là

- A. Ta-lét; Hê-ra-clit,... B. A-rít-xtôt; Xô-crát,...
C. Pê-ra-tông; Ta-lét,... D. Hê-ra-clit; Xô-crát,...

Câu 61. Những đại diện tiêu biểu của trường phái triết học duy tâm ở Hy Lạp và La Mã thời cổ đại là

- A. Ta-lét; Hê-ra-clit,... B. A-rít-xtôt; Xô-crát,...
C. Pê-ra-tông; Ta-lét,... D. Hê-ra-clit; Xô-crát,

Câu 62. Một trong những thành tựu tôn giáo nổi bật của văn minh La Mã cổ đại là sự ra đời của

- A. Phật giáo. B. Hin-đu giáo. C. Thiên Chúa giáo. D. Nho giáo.

Câu 63. Về lịch pháp và thiên văn học, cư dân Hy Lạp và La mã cổ đại đã biết làm lịch dựa theo sự chuyển động của

- A. Trái đất quanh Mặt Trăng. B. Mặt Trăng quanh Mặt Trời.
C. Mặt Trời quanh Trái Đất. D. Trái Đất quanh Mặt Trời.

Câu 64. Một trong những nhà toán học nổi tiếng của Hy Lạp cổ đại là

- A. Py-ta-go. B. Hi-pô-crát. C. Hê-rô-đốt. D. Xô-phốc-lơ.

Câu 65. Một trong những nhà sử học nổi tiếng của Hy Lạp cổ đại là

- A. Py-ta-go. B. Hi-pô-crát. C. Hê-rô-đốt. D. Xô-phốc-lơ.

Câu 66. Ai là tác giả của vở kịch *Ô-đíp* làm vua?

- A. Py-ta-go. B. Hi-pô-crát. C. Hê-rô-đốt. D. Xô-phốc-lơ.

Câu 67. Công trình kiến trúc nào sau đây **không** phải là thành tựu của cư dân Hy Lạp và La Mã cổ đại?

- A. Đền Pác-tê-nông. B. Đấu trường Cô-li-dê.
C. Lăng Ta-giơ Ma-han. D. Khải hoàn môn.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Trong số các đền chùa của các tôn giáo như Bà – la – môn giáo, Phật giáo, Giai – na giáo, chùa hang là một loại công trình đặc biệt của Ấn Độ thời cổ - trung đại, thường là những công trình nghệ thuật kết hợp kiến trúc với điêu khắc, hội họa. Tiêu biểu cho loại công trình này là những gian chùa hang ở A – gian – ta được kiến tạo từ thế kỉ II TCN đến thế kỉ VIII. Phương pháp kiến tạo loại chùa này là khoét sâu vào vách núi đá, có nhiều cột chống và được trang trí bằng nhiều bức chạm tinh vi và những tranh bích họa rất đẹp.

(Theo Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1991, tr.81)

- a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về thành tựu của văn minh Ấn Độ trên các lĩnh vực tôn giáo, kiến trúc và điêu khắc.

- b. Bà – la – môn giáo, Phật giáo, Giai – na giáo là những tôn giáo được du nhập từ bên ngoài và nhanh chóng phát triển mạnh mẽ ở Ấn Độ.
- b. Chùa hang là một loại công trình kiến trúc tiêu biểu của Ấn Độ thuộc dòng kiến trúc tôn giáo.
- c. Một trong những yếu tố làm nên giá trị đặc sắc của chùa hang là sự kết hợp hài hòa giữa nghệ thuật kiến trúc với nghệ thuật điêu khắc và hội họa.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Vào thế kỉ VIII, người Ả Rập nhờ dịch tác phẩm Sít – han – ta mà học tập được chữ số Ấn Độ. Từ Ả Rập, hệ thống chữ số này được truyền sang châu Âu, do đó những chữ số này thường bị gọi nhầm là chữ số Ả Rập. Tư liệu sớm nhất về những chữ số này là các bia đá của A – xô – ca khắc từ thế kỉ III TCN. Tuy nhiên, con số 0 được thấy sớm nhất trong một tài liệu Ả rập năm 873, sau đó 3 năm mới thấy trong tài liệu Ấn Độ. Mặc dầu vậy, người ta vẫn cho rằng, số 0 cũng do người Ấn Độ sáng tạo.

(Theo Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1991, tr.81)

- a. Việc sáng tạo ra hệ thống chữ số tự nhiên là một thành tựu nổi bật của văn minh Ấn Độ trên lĩnh vực Toán học.
- b. Hệ thống chữ số tự nhiên được cư dân Ấn Độ sáng tạo ra vào khoảng thế kỉ VIII.
- c. Dựa trên các tư liệu lịch sử, hiện nay, hầu hết ý kiến đều cho rằng chữ số 0 là do người Ả Rập sáng tạo nên.
- d. Chữ số tự nhiên được sáng tạo từ phương Đông, sau đó được lan truyền rộng rãi sang phương Tây.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Kheops là đại kim tự tháp, lớn nhất Ai Cập. Qua thời gian, nó từng bị tàn phá và hư hỏng, bề mặt và kích thước thay đổi một phần. Kim tự tháp này được làm từ hơn 2,3 triệu khối đá, mỗi khối nặng từ 2 tới 30 tấn, một số nặng hơn 50 tấn.... Kim tự tháp là lăng mộ của pharaoh, ẩn chứa những thông tin về tôn giáo, tín ngưỡng, phản chiếu đời sống văn hóa vật chất và tinh thần của người Ai Cập cổ đại. Cho đến nay, nó vẫn chưa thực sự được khám phá và giải mã hoàn toàn.

Kim tự tháp Ai Cập phản ánh trí tuệ, năng lực của con người cổ đại trong hành trình chinh phục thiên nhiên và xây dựng những thành tựu văn minh. Các khám phá về kim tự tháp đã gợi mở những tri thức khoa học phong phú và khơi gợi niềm cảm hứng sáng tạo bất tận cho con người (điện ảnh, thời trang, hội họa, kiến trúc,...).

(*Sách giáo viên Lịch sử 10*, bộ chân trời sáng tạo, tr.53)

- a. Kheops là kim tự tháp lớn nhất của Ai Cập, còn tồn tại nguyên vẹn đến ngày nay.
- b. Những tri thức về toán học là một trong những cơ sở giúp cư dân Ai Cập có thể xây dựng kim tự tháp Kheops.
- c. Điểm khác biệt của kim tự tháp Kheops so với các kim tự tháp khác ở Ai Cập thể hiện ở chỗ, đây chính là lăng mộ của nhà vua.
- d. Hiện nay, kim tự tháp vừa là đối tượng nghiên cứu, vừa là nguồn cảm hứng sáng tạo cho nhiều ngành khoa học, nghệ thuật.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Lăng Ta – giơ Ma – han được xây dựng từ thế kỉ XVII ở A – gra và được ví như “viên trân châu của Ấn Độ”. Hoàng đế Sa – gia – han của vương triều Mô – gôn đã ra lệnh xây

dựng lăng Ta – giờ Ma – han cho vợ của ông là Mum – ta – Ma – han sau khi bà qua đời. Quá trình xây dựng lăng kéo dài trong 22 năm (từ năm 1631 đến năm 1653). Lăng được coi là hình mẫu hoàn hảo nhất của kiến trúc Mô – gôn ở Ấn Độ và là sự tổng hợp từ các phong cách và yếu tố của kiến trúc Ba Tư, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ và Hồi giáo. Lăng Ta – giờ Ma – han được UNESCO ghi danh là di sản thế giới năm 1983.

(*Sách giáo viên Lịch sử 10*, bộ kết nối tri thức với cuộc sống, tr.61)

- a. Lăng Ta – giờ Ma – han là một thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ trên lĩnh vực kiến trúc, điêu khắc.
- b. Lăng Ta – giờ Ma – han được xây dựng dưới thời kì vương triều Môn – gôn với mục đích ban đầu là làm lăng mộ cho nhà vua Sa – gia – han sau khi ông qua đời.
- c. Kiến trúc lăng mộ Ta – giờ Ma – han là sự tổng hòa của nhiều phong cách và yếu tố kiến trúc khác nhau ở cả phương Đông và phương Tây.
- d. Sau hơn 300 năm tồn tại, lăng Ta – giờ Ma – han đã được ghi danh là di sản thế giới.

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Sử thi Ra – ma – y – a – na có ảnh hưởng lớn ở các quốc gia Đông Nam Á. Hầu như mỗi nước đều có một phiên bản Ra – ma – y – a – na được bản địa hóa: truyện Ra – ma – kiền của Thái Lan; truyện Ra – ma – y – a – na của In – đô – nê – xi – a; kịch Ra – ma của Mi – an – ma; trường ca Riêm Kê của Cam – pu – chia; trường ca Phạ - lặc Phạ - lam và Xin – xay của Lào; truyện Ra – ma – y – a – na, Dạ Thoa Vương của Việt Nam.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 10*, bộ chân trời sáng tạo, tr. 34)

- a. Đoạn tư liệu phản ánh sự phát triển văn học Đông Nam Á theo nhiều dòng văn học khác nhau.
- b. Sử thi Ra – ma – y – a – na là một tác phẩm văn học tiêu biểu của văn minh Ai Cập thời kì cổ đại.
- c. Sử thi Ra – ma – y – a – na có ảnh hưởng tới văn học dân gian của một số quốc gia Đông Nam Á
- d. Trường ca Phạ - lặc Phạ - lam chính là bản chuyển thể nguyên vẹn sử thi Ra – ma – y – a – na từ chữ Phạn sang chữ Lào cổ.

Câu 6: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Thời cổ đại, phương Đông hình thành bốn trung tâm văn minh lớn là Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa. Do điều kiện tự nhiên thuận lợi, cư dân phương Đông cổ đại đã sớm hình thành những nền văn minh ở lưu vực các con sông lớn. Một số nền văn minh phát triển rực rỡ đến thời trung đại. Văn minh phương Tây ở khu vực Địa Trung Hải ra đời muộn hơn, đầu tiên ở Hi Lạp và sau đó ở La Mã. Nền văn minh Hi Lạp – La Mã cổ đại đạt được nhiều thành tựu to lớn, tiếp tục phát triển ở thời Phục hưng, tạo nền tảng cho văn minh châu Âu sau này.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 10*, bộ chân trời sáng tạo, tr. 17)

- a. Thời cổ đại, ở phương Đông hình thành được tất cả bốn nền văn minh, bao gồm Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa.
- b. Trung Hoa là nền văn minh duy nhất ở phương Đông phát triển liên tục từ thời cổ đại đến thời trung đại.
- c. Đặc điểm chung của các nền văn minh ở phương Đông là đều được hình thành trên lưu vực các con sông lớn.

- d. Văn minh phương Tây ra đời muộn hơn văn minh phương Đông và kế thừa toàn bộ những thành tựu của văn minh phương Đông.

Câu 7: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Người Ai Cập cổ đại viết chữ trên giấy pa – pi – rút, người Lưỡng Hà cổ đại viết trên các phiến đất sét ướt rồi đem nung hoặc phơi khô. Người Trung Quốc lại khắc chữ trên các mai rùa, xương thú hoặc thẻ tre. Đến đời Thương, chữ viết của người Trung Quốc mới ra đời. Loại chữ đầu tiên này khắc trên mai rùa và xương thú, được phát hiện lần đầu tiên vào năm 1899 và được gọi là văn tự giáp cốt....

Cho đến nay, người ta đã phát hiện được hơn 100 000 mảnh mai rùa và xương thú có khắc chữ giáp cốt. Tổng số chữ giáp cốt đã phát hiện khoảng 4500 chữ, trong đó đã đọc được 1700 chữ. Chữ giáp cốt đã ghép được những đoạn văn tương đối dài, có đoạn lên tới 100 chữ.

(Nguyễn Thị Côi, Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Mạnh Hùng, *Hướng dẫn sử dụng kênh hình trong sách giáo khoa Lịch sử lớp 10 Trung học phổ thông*, NXB Giáo dục, 2009, tr. 17)

- Chữ giáp cốt là một thành tựu về văn học của người Trung Quốc thời cổ đại.
- Người Ai Cập, người Lưỡng Hà và người Trung Quốc đều sáng tạo ra được chữ viết riêng của mình.
- Chữ viết của người Ai Cập, Lưỡng Hà và Trung Quốc thời cổ đại lúc đầu được viết trên các chất liệu giấy khác nhau.
- Hiện nay, các nhà khảo cổ học đã phát hiện được rất nhiều chữ giáp cốt và các tác phẩm văn học đồ sộ viết bằng chữ giáp cốt.

Câu 8: Cho bảng dữ kiện về một số thành tựu của các nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại:

Nền văn minh	Thành tựu
Ai Cập	Chữ tượng hình; Toán học (nhất là hình học); kiến trúc và điêu khắc; kĩ thuật ướp xác, tín ngưỡng thờ đa thần
Trung Hoa	Chữ tượng hình được viết trên mai rùa, xương thú; văn học (thơ Đường, tiểu thuyết thời Minh – Thanh); toán học (sử dụng hệ số đếm thập phân); kiến trúc và điêu khắc (Di hòa viên, Thập tam lăng...); kĩ thuật (in, giấy, thuốc súng...); tư tưởng, tôn giáo (Nho giáo, Đạo giáo...)
Ấn Độ	Văn học (kinh Vê - đa, sử thi Ma – ha – bha – ra – ta; Ra – ma – y – a – na); toán học (sáng tạo số tự nhiên); tôn giáo (Bà – la – môn giáo, Hin – đu giáo...)

- Cư dân Ai Cập cổ đại viết chữ tượng hình trên mai rùa hoặc xương thú
- Ấn Độ và Trung Quốc là quê hương của một số tôn giáo được truyền ra bên ngoài.
- Các công trình kiến trúc của cư dân phương Đông thời cổ đại gắn liền với thành tựu của khoa học tự nhiên.
- Trong thời cổ đại, cả ba nền văn minh (Ai Cập, Ấn Độ, Trung Hoa) đều có ảnh hưởng đến văn hóa Việt Nam

